**DANH MỤC NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐANG TIẾN HÀNH SỬ DỤNG**

**NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC (ĐẾN HẾT NĂM 2019)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên nhiệm vụ** | **Tổ chức chủ trì NV** | **Chủ nhiệm NV** | **Mục tiêu** | **Nội dung chính** | **Lĩnh vực nghiên cứu** | **Phương pháp nghiên cứu** | **Kết quả dự kiến** | **Thời gian bắt đầu** | **Thời gian dự kiến kết thúc** | **Cấp thực hiện** |
| **Năm 2016** | | | | | | | | | | | |
| 1 | Đánh giá, tuyển chọn, nhân các giống lúa mùa đặc sản, lúa chất lượng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Tây Ninh | KS Lâm Văn Tính | - Xác định được hiện trạng sản xuất lúa, sự đa dạng về giống lúa và các giống lúa đặc sản đang canh tác tại tỉnh Tây Ninh  + Phục tráng được 2 giống lúa mùa đặc sản của tỉnh và xây dựng mô hình sản xuất có hiệu quả  + Chọn được ít nhất 02 giống/dòng lúa mới thích nghi với điều kiện sản xuất lúa tỉnh Tây Ninh | Đánh giá thực trạng sản xuất lúa tỉnh Tây Ninh; Phục tráng hai giống lúa mùa đặc sản của tỉnh (Huyết Rồng và Khao dawk mali); Chọn tạo giống lúa mới cho tỉnh; Xây dựng mô hình canh tác và tổ chức hội thảo đầu bờ cho 3 giống lúa. | Khoa học nông nghiệp; Mã cấp 3: 40103- Cây lương thực và cây thực phẩm | Kết hợp phương pháp khai thác các tài liệu trong nước và quốc tế thông qua các kênh truyền thông, mạng lưới nghiên cứu khoa học về nguồn gen thực vật quốc tế về cây lúa để xây dựng các biểu mẫu điều tra, mô tả đánh giá, quy trình canh tác, mô hình theo tiêu chuẩn chung của thế giới và phù hợp với điều kiện của Việt Nam; kết hợp phương pháp truyền thống với phương pháp hiện đại. | 02 mô hình sản xuất giống lúa hiệu quả; 100kg hạt giống/giống (02 Giống lúa siêu nguyên chủng, giống lúa đặc sản được phục tráng); 02 giống lúa mới thích nghi với điều kiện sản xuất ở Tây Ninh; | Tháng 11/2016 | Tháng 10/2019 gia hạn đến tháng 10/2020 | Cấp tỉnh |
| 2 | Ứng dụng thử nghiệm công nghệ scada internet/3G để điều tiết, phân phối nước một tuyến kênh điển hình thuộc hệ thống kênh TN17 từ cống đầu kênh cấp 1 đến cống lấy nước của hộ và nhóm hộ dùng nước | Viện Khoa học Thủy lợi Miền Nam | PGS – TS VÕ KHẮC TRÍ | Nghiên cứu ứng dụng thử nghiệm công nghệ SCADA Internet/ 3G nằm đảm bảo phân phối nước từ trạm trung tâm điều khiển tự động đến hộ và nhóm hộ dùng nước cho một tuyến kênh điển hình thuộc hệ thống kênh TN17 từ cống đầu kênh cấp 1 đến cống lấy nước mặt ruộng. | Điều tra thu thập dữ liệu hệ thống thông tin quản lý cơ sở dữ liệu thủy lợi phục vụ công tác điều hành tưới, tiêu hệ thống thủy lợi Dầu Tiếng bao gồm;Phân tích, đánh giá các mặt được, chưa được, những thuận lợi, khó khăn trong mô hình quản lý hiện có; kết quả các đề tài, dự án thử nghiệm về công nghệ SCADA, qua đó kế thừa và đề xuất những nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài; Nghiên cứu đề xuất ứng dụng các giải pháp công nghệ hợp lý phục vụ công tác quản lý điều hành tưới tiêu; Tổ chức hội thảo, đào tạo và chuyển giao cho cơ quan quản lý vận hành hệ thống kênh tưới hồ Dầu Tiếng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh. | Kỹ thuật thuỷ lợi | Phương pháp điều tra khảo sát, thu thập tổng hợp tài liệu; Phương pháp mô hình toán (mô hình thủy lực, nhu cầu nước cây trồng CROPWAT, thống kê...); Phương pháp chuyên gia và hội thảo: Sử dụng các chuyên gia trình độ cao, đa ngành; kết hợp tổ chức các hội thảo lấy ý kiến chuyên gia, lãnh đạo địa phương và cộng đồng; Phương pháp phân tích, tổng hợp: Để phân tích các kịch bản, tổng hợp đánh giá các phương án; Phương pháp đúng dần: các kịch bản/phương án trong quá trình xem xét sẽ được chỉnh sửa, hoàn thiện dần; Ứng dụng công nghệ tự động hóa, các giải pháp thiết bị và truyền thông thích hợp trong vùng nông thôn xa nguồn điện lưới; Ứng dụng các phần mềm chuyên ngành trong tính toán, điều khiển. | Số liệu cơ bản về địa hình, khí tượng, thuỷ văn, KT-XH vùng nghiên cứu; Các báo cáo chuyên đề, báo cáo tóm tắt và báo cáo tổng kết. | tháng 12 năm 2016 | tháng 12 năm 2018 gia hạn đến tháng 9/2019 | Cấp tỉnh |
| **Năm 2018** | | | | | | | | | | | |
| 3 | Ứng dụng mạng xã hội trong việc hỗ trợ, nâng cao hiệu quả giảng dạy tại các trường THPT tỉnh Tây Ninh | Trường THPT chuyên Hoàng Lê Kha tỉnh Tây Ninh | ThS. Bành Thu Thảo | Đánh giá mức độ ảnh hưởng của mạng xã hội đến quá trình học tập cũng như phát triển nhân cách của học sinh; Đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả giảng dạy tại các trường THPT bằng cách khai thác các tiện ích của mạng xã hội như là một công cụ hỗ trợ. | Nghiên cứu tổng quan; Đánh giá thực trạng; Thu thập thông tin, tàiliệu, dữ liệu; xử lý số liệu, phân tích thông tin, tài liệu, dữ liệu; Đánh giá mức độ ảnh hưởng của mạng xã hội trong trường học; Đánh giá thực trạng sử dụng mạng xã hội của giáo viên trong giảng dạy. Đánh giá mức độ chấp thuận của xã hội (Giáo viên và phụ huynh học sinh) đối với việc ứng dụng mạng xã hội vào trường học như là một công cụ giảng dạy; Triển khai các ứng dụng khai thác các tiện ích của mạng xã hội vào một số lớp thử nghiệm; Đánh giá kết quả triển khai: Báo cáo thực nghiệm. | Khoa học giáo dục học nói chung, bao gồm cả đào tạo, sư phạm học, lý luận giáo dục,.. | Phương pháp điều tra: giúp thu thập thông tin từ các đối tượng học sinh, giáo viên và phụ huynh bằng bảng hỏi; Phương pháp phân tích: định tính và định lượng; Phương pháp xử lí thông tin: phân tích, so sánh, tổng hợp vấn đề; Phương pháp nghiên cứu thực tiễn: phương pháp thực nghiệm, quan sát sư phạm, tổng kết kinh nghiệm khi đưa các giải pháp được đề xuất vào thực tế. | Bảng số liệu; Báo cáo xử lý, phân tích số liệu điều tra; Báo cáo tổng kết đề tài; Bài báo khoa học; Đĩa CD lưu dữ liệu | tháng 03 năm 2017 | tháng 03 năm 2019 gia hạn đến tháng 3/2020 | Cấp tỉnh |
| 4 | Nghiên cứu xây dựng mô hình văn hóa ứng xử học đường ở tỉnh Tây Ninh | Sở Giáo dục và Đào tạo Tây Ninh | TS. Nguyễn Thành Kỉnh | Mục tiêu chung: Nghiên cứu lý luận, khảo sát thực tiễn, thử nghiệm xây dựng một môi trường văn hoá ứng xử học đường (VHHĐ) phù hợp, mang đặc trưng tỉnh nhà, làm cơ sở sửa đổi nhận thức và hành vi của giáo viên, học sinh tạo nên chuyển biến, phát triển lối sống lành mạnh văn minh, nhằm hiện thực hóa chủ trương “nhà trường thân thiện, học sinh tích cực ”của ngành giáo dục; Xây dựng một mô hình văn hoá ứng xử học đường (VHHĐ) phù hợp, mang đặc trưng tỉnh nhà, làm cơ sở sửa đổi nhận thức và hành vi của giáo viên, học sinh tạo nên chuyển biến, phát triển lối sống lành mạnh văn minh, góp phần ngăn chặn các tệ nạn xã hội và tình trạng bạo lực trong học sinh, hiện thực hóa chủ trương “ nhà trường thân thiện, học sinh tích cực ”của ngành giáo dục tỉnh Tây Ninh; nuôi dưỡng và phát huy văn hoá học đường qua các hoạt động giáo dục giao tiếp ứng xử và phát triển nhân cách của chương trình tư vấn học đường hiện đại  Mục tiêu cụ thể : Khảo sát thực trạng hoạt động văn hóa ứng xử học đường ở Tây Ninh; Xây dựng mô hình văn hoá ứng xử học đường bậc trung học cơ sở phù hợp, mang đặc trưng của tỉnh; Thử nghiệm và đánh giá hiệu quả của mô hình, đối chứng so sánh trước và sau quá trình thực hiện đề tài; Nghiên cứu, đề xuất quy chế ứng xử có văn hoá giữa các thành viên trong nhà trường; Tổ chức thí điểm, đo lường kết quả, chú ý mức độ đóng góp làm giảm tệ nạn xã hội và bạo lực học đường, sau đó nhân rộng ra trong tỉnh Tây Ninh. | Nghiên cứu lý luận hình thành khung cơ bản của VHHĐ  Văn hoá học đường với nhiều cách hiểu khác nhau, ở công trình này văn hoá học đường được thống nhất ý nghĩa và nhất là những lý thuyết những công trình xác định mối tương quan giữa văn hoá và bạo lực học đường.  Các phương thức xây dựng văn hoá ứng xử học đường và nuôi dưỡng phát huy tính tích cực của văn hoá học đường.  Văn hoá học đường ở Tây Ninh, mô hình hoá và phương thức duy trì, phát triển  Khảo sát thực trạng VHHĐ  Có một tổ chức đang hoạt động gồm những con người trong một môi trường nhất định là ở đó văn hoá được hình thành. Vậy từ lâu văn hoá học đường ở tỉnh Tây Ninh, từ các trường tiểu học đến trung học phổ thông có những đặt nét gì ? những gì cần phát huy?...Phiếu hỏi thể hiện những vấn đề trên dự kiến sẽ hỏi theo mẫu xác suất ngẫu nhiên 1300 phiếu.  - Đối tượng điều tra: Học sinh, giáo viên, Ban Giám hiệu, đại diện phụ huynh.  Cụ thể: + 1000 phiếu hỏi học sinh trung học cơ sở.  + 200 phiếu hỏi giáo viên và Ban Giám hiệu các trường.  + 100 phiếu hỏi đại diện phụ huynh  - Địa điểm điều tra là ở những điểm trường: Thực nghiệm GDPT tỉnh, THCS Võ Văn Kiệt (thành phố Tây Ninh), THCS thị trấn Dương Minh Châu, THCS Trần Hưng Đạo (thành phố Tây Ninh).  Tổ chức hội thảo  - Tổ chức Hội thảo: 03 lần: mỗi lần 10 tham luận, 170 tham dự viên  Lần 1: Chủ đề : Cơ sở lý luận và đặc điểm văn hoá học đường tại tỉnh Tây Ninh  Lần 2: Chủ đề : Thực trạng văn hoá học đường và vai trò tư vấn học đường trong xây dựng và phát huy văn hoá học đường tại tỉnh Tây Ninh  Lần 3: Chủ đề : Góp ý xây dựng mô hình văn hoá học đường đẩy lùi tệ nạn và bạo lực học đường tỉnh Tây Ninh  Tập huấn cho cán bộ quản lí, giáo viên, học sinh để triển khai mô hình văn hóa học đường.  - Tổ chức tập huấn đợt 1 tại 4 trường thí điểm về xây dựng mô hình văn hoá học đường đẩy lùi tệ nạn và bạo lực học đường, 200 tham dự viên. Cụ thể:  - THCS Võ Văn Kiệt (thành phố Tây Ninh): 01 lớp 200 học viên.  - THCS Trần Hưng Đạo (thành phố Tây Ninh): 01 lớp 200 học viên.  - THCS thị trấn Dương Minh Châu: 01 lớp 200 học viên.  - Thực nghiệm GDPT tỉnh: 01 lớp 200 học viên.  - Tổ chức tập huấn đợt 2 tại Sở GDĐT về mô hình văn hoá sau thí điểm: 200 học viên/lớp x 4 lớp, tổng cộng 800 tham dự viên. Cụ thể:  - THCS Võ Văn Kiệt (thành phố Tây Ninh): 01 lớp 200 học viên.  - THCS Trần Hưng Đạo (thành phố Tây Ninh): 01 lớp 200 học viên.  - THCS thị trấn Dương Minh Châu: 01 lớp 200 học viên.  - Thực nghiệm GDPT tỉnh: 01 lớp 200 học viên.  Tổ chức giáo dục kỹ năng giao tiếp và các hoạt động nâng cao nhận thức xây dựng và phát huy văn hoá học đường do tư vấn viên học đường phụ trách trong chương trình tư vấn học đường xây dựng văn hoá đẩy lùi các tệ nạn và bạo lực học đường thí điểm  - Tổ chức lớp kỹ năng giao tiếp : 2 đợt , mỗi đợt 4 lớp cho (4 trường) , 200 hs  - Tổ chức hội trại hội thảo xây dựng văn hoá học đường cho nhà trường  2 đợt , mỗi đợt 4 cuộc , cho 4 trường / đợt . 400 hs  Viết chuyên đề : 5 chuyên đề  + Chuyên đề 1: Cơ sở lý luận xây dựng Văn hoá ứng xử học đường Tây Ninh  +Chuyên đề 2: Thực trạng và phương thức xây dựng, phát huy ứng xử văn hoá học đường tại tỉnh Tây Ninh trong tình hình hiện nay.  + Chuyên đề 3 : Đề xuất mô hình ứng xử văn hoá học đường Tây Ninh  + Chuyên đề 4: Ảnh hưởng của môi trường văn hóa- xã hội của tỉnh Tây Ninh đối với việc xây dựng ứng xử văn hóa học đường  + Chuyên đề 5: Kết quả thí điểm và nhân rộng mô hình văn hoá ứng xử học đường | Các vấn đề khoa học giáo dục khác | Phương pháp nghiên cứu tài liệu, văn bản: Tổng hợp kiến thức cần thiết từ các lý thuyết về văn hoá học đường và các phương thức xây dựng và duy trì, phát huy; Phương pháp thống kê toán học: thu thập và xử lý thông tin từ các phiếu hỏi; Nhóm Phương pháp nghiên cứu thực tiễn: phương pháp điều tra, phỏng vấn, phương pháp quan sát sư phạm, phương pháp tổng kết kinh nghiệm… nhằm khảo sát, đánh giá thực trạng giảng dạy văn học địa phương trong nhà trường hiện nay trên địa bàn tỉnh Tây Ninh. | Báo cáo xử lý, phân tích số liệu điều tra;  5 báo cáo chuyên đề; Báo cáo mô hình thử nghiệm; Kỷ yếu hội thảo; Bộ qui tắc ứng xử văn hóa học đường; Tài liệu tập huấn; Bài báo khoa học; Báo cáo tổng hợp kết quả của đề tài | tháng 8 năm 2017 | tháng 7 năm 2019 gia hạn đến tháng 3/2020 | Cấp tỉnh |
| 5 | Khảo sát hiện trạng và đề xuất giải pháp bảo tồn loài quý hiếm Gà lôi hông tía (Lophura diardi) ở Vườn quốc gia Lò Gò – Xa Mát tỉnh Tây Ninh | Ban quản lý Vườn Quốc gia Lò Gò – Xa Mát tỉnh Tây Ninh | Huỳnh Hữu Phương | Khảo sát, đánh giá hiện trạng và vùng phân bố của loài Gà lôi hông tía (Lophura diardi) ở Vườn quốc gia Lò Gò – Xa Mát; Xây dựng các giải pháp hiệu quả để bảo tồn loài quý hiếm này ở Vườn quốc gia | Điều tra khảo sát hiện trạng phân bố của loài Gà Lôi hông tía ở VQG Lò Gò - Xa Mát; nghiên cứu đặc điểm sinh thái và sinh học của loài Gà lôi hông tía ở VQG Lò Gò-Xa Mát; Đánh giá các nguy cơ đe dọa gây suy thoái loài Gà lôi hông tía ở VQG Lò Gò- Xa Mát; Xây dựng các giải pháp quản lý và kế hoạch bảo tồn loài Gà lôi hông tía ở VQG Lò Gò – Xa Mát | Động vật học | Phương pháp phỏng vấn người địa phương; điều tra theo tuyến, điểm và sử dụng bẫy ảnh | Phiếu điều tra xã hội học; Bản đồ vùng phân bố ghi nhận loài Gà lôi hông tía; Kế hoạch bảo tồn loài Gà lôi hông tía ở VQG; Báo cáo tổng kết; Đĩa CD | tháng 12 năm 2017 | tháng 5 năm 2018 gia hạn đến tháng 11/2019 | Cấp tỉnh |
| 6 | Mô hình bệnh tật ở các bệnh viện Đa Khoa tỉnh Tây Ninh | Bệnh viện Đa Khoa tỉnh Tây Ninh. | ThS. BS  Đỗ Hồng Sơn | Khảo sát mô hình bệnh tật và tử vong tại các bệnh viện trên địa bàn tỉnh Tây Ninh trong 5 năm 2013-2017.  Mục tiêu chuyên biệt:   Xác định tỷ lệ các bệnh tật ở các bệnh viện đa khoa, các trung tâm y tế huyện, thành phố Tây Ninh.   Tìm ra mô hình bệnh tật quan trọng ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng:   Xác định tỷ lệ 10 bệnh thường gặp nhất theo ICD 10.   Xác định tỷ lệ 10 bệnh tử vong cao nhất.   So sánh tỷ lệ bệnh thường gặp và tỷ lệ bệnh tử vong theo thời gian và địa điểm.  - Đề xuất giải pháp phòng chống các bệnh tật quan trọng phục vụ quản lý của ngành y tế. | Xác định tỷ lệ các bệnh tật ở các bệnh viện đa khoa, các trung tâm y tế huyện, thành phố Tây Ninh; Tìm ra mô hình bệnh tật quan trọng ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng; Đề xuất giải pháp phòng chống các bệnh tật quan trọng phục vụ quản lý của ngành y tế. | Khoa học Y dược; Mã cấp 3: 30301- Khoa học về chăm sóc sức khỏe và dịch vụ y tế (bao gồm cả quản trị bệnh viện, tài chính y tế....) | Thiết kế nghiên cứu: đoàn hệ bệnh nhân; Phương pháp thu thập số liệu: hồi cứu; Kỹ thuật chọn mẫu: Chọn mẫu có chủ đích. Chọn ba bệnh viện ở ba khu vực của tỉnh: Bệnh viện đa khoa Tây Ninh, Trung tâm y tế huyện Tân Biên, Trung tâm y tế Gò Dầu | Tỷ lệ các bệnh tật ở bệnh viện Đa khoa, Trung tâm y tế huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Tây Ninh có tính khoa học và tin cậy; Mô hình bệnh tật quan trọng ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng; Giải pháp phòng chống các bệnh tật quan trọng phục vụ công tác quản lý của ngành y tế (chuẩn bị nguồn lực về cơ sở vật chất, máy móc thiết bị và nhân lực, làm cơ sở xây dựng các chính sách của ngành); Bài báo khoa học: 1-2 bài đăng trên tạp chí chuyên ngành; Đĩa CD lưu giữ cơ sở dữ liệu của đề tài. | Tháng 12/2017 | Tháng 11/2019 | Cấp tỉnh |
| 7 | Khảo nghiệm giống mía nhập nội nhằm cải thiện bộ giống mía cho vùng nguyên liệu Tây Ninh | Công ty Cổ phần Nghiên cứu Ứng dụng Mía đường Thành Thành Công | Kỹ sư  Đỗ Cao Trí | - Mục tiêu chung: Cải thiện chất lượng giống mía cho năng suất đường cao, phù hợp với điều kiện tự nhiên của tỉnh Tây Ninh.  Mục tiêu cụ thể: Tuyển chọn được từ 2-3 giống mía mới có năng suất đường cao hơn 10% so với 2 giống đối chứng (K95-156: vùng đất thấp; VN84-4137: vùng đất cao), chống chịu hoặc kháng bệnh thối đỏ và bệnh than đen. | Đề tài được thực hiện theo đúng Thông tư số 33/2013/TT-BNNPTNT ngày 21 tháng 6 năm 2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, ban hành Quy chuẩn Kỹ thuật quốc gia về Khảo nghiệm giống cây trồng, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng giống mía QCVN 01-131:2013/BNNPTNT. Cụ thể:  + Tuyển chọn các giống mía tốt, mới nhập nội, đã được sơ tuyển có năng suất và chất lượng cao, phù hợp với điều kiện canh tác trên đất thấp, theo tiêu chí năng suất đường tăng trên 10%, thông qua các bước khảo nghiệm cơ bản, khảo nghiệm sản xuất và trình diễn mô hình.  + Dựa trên kết quả khảo nghiệm và trình diễn giống, kết hợp tổ chức hội thảo, tham quan các mô hình trình diễn canh tác giống mía mới để đánh giá kết quả đề tài đồng thời chuyển giao, quảng bá các giống mía tốt cho sản xuất thử. | Khoa học Nông nghiệp ; Mã cấp 3: 40105- Cây công nghiệp và cây thuốc | Phương pháp nghiên cứu:  - Nội dung 1, 3, 4: Thực hiện theo quy chuẩn khảo nghiệm giống mía QCVN 01-131:2013/BNNPTNT.  - Nội dung 2: Sàng lọc bệnh than và bệnh thối đỏ thực hiện theo 02 quy trình sau:  + Quy trình sàng lọc bệnh than gồm các bước:  • Bước 1: Chuẩn bị đất và trồng giống mía triển vọng và các giống đối chứng.  • Bước 2: Sưu tập bào tử nấm và lưu trữ.  • Bước 3: Chủng bệnh cho hom giống.  • Bước 4: Trồng hom giống đã chủng bệnh ra đồng.  • Bước 5: Thu thập dữ liệu bệnh than trên các giống.  • Bước 6: Phân cấp bệnh cho các giống.  + Quy trình sàng lọc bệnh thối đỏ gồm các bước:  • Bước 1: Chuẩn bị đất và trồng giống mía triển vọng và các giống đối chứng.  • Bước 2: Phân lập xác định và nhân sinh khối nấm bệnh trong phòng thí nghiệm.  • Bước 3: Chủng bệnh bằng các phương pháp Plug, Nodal hoặc CCT (phòng kính chủng bệnh).  • Bước 4: Ghi chép dữ liệu.  • Bước 5: Đánh giá cấp bệnh.  • Bước 6: Phân cấp bệnh các giống. | Bảng số liệu, cơ sở dữ liệu, Báo cáo phân tích, Báo cáo kết quả thực hiện 02 mô hình sản xuất thử nghiệm, Báo cáo tổng hợp kết quả của đề tài. | Tháng 12/2017 | Tháng 11/2020 | Cấp tỉnh |
| 8 | Nâng cao năng suất chất lượng mía Tây Ninh thông qua chương trình sản xuất mía giống thuần chủng sạch bệnh 3 cấp | Công ty Cổ phần Nghiên cứu Ứng dụng Mía đường Thành Thành Công | Phạm Tấn Hùng | Mục tiêu chung: Nâng cao năng suất mía nguyên liệu, giảm chi phí sản xuất và kéo dài thời gian lưu gốc tối thiểu hơn 1 vụ mía so với hiện tại.  Mục tiêu cụ thể:  + Nhận chuyển giao quy trình công nghệ nuôi cấy mô từ Viện Di truyền Nông Nghiệp (AGI), sản xuất thành công cây mía giống G1 bằng công nghệ nuôi cấy mô tại SRDC.  + Tổ chức mô hình sản xuất hom giống G1, G2, G3 đạt tiêu chuẩn (theo tiêu chuẩn kiểm định mía giống Viện Nghiên Cứu Mía Đường Việt nam biên soạn trong dự thảo lần 5, năm 2016) cho các vùng nguyên liệu của các công ty mía đường thuộc Tập đoàn Thành Thành Công trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.  + Sử dụng hom giống sạch bệnh 3 cấp góp phần tăng năng suất mía nguyên liệu 5% so với sử dụng hom mía giống thông thường và kéo dài thêm một mùa vụ gốc (1 tơ + 3 gốc). | Nhận chuyển giao công nghệ sản xuất cây mía in vitro từ Viện Di Truyền Nông Nghiệp  Xây dựng mô hình sản xuất mía giống thuần chủng sạch bệnh 3 cấp  Đào tạo, tập huấn, hội thảo chuyên đề, phổ biến áp dụng quy trình công nghệ vào sản xuất đại trà. | Cây công nghiệp và cây thuốc | Nhận chuyển giao công nghệ sản xuất cây mía in vitro từ Viện Di Truyền Nông Nghiệp: Xác định giống cần nhân, chọn lọc và xử lý mẫu; Vào mẫu; Tạo chồi và nhân nhanh chồi; Kéo dài chồi; Tạo rễ và cây hoàn chỉnh.  - Xây dựng mô hình sản xuất mía giống thuần chủng sạch bệnh 3 cấp  + Thu thập mẫu cấy ngoài đồng ruộng, sản xuất 40.000 cây mía nuôi cấy mô  + Trồng 2 ha ruộng giống G1, cung cấp 120 tấn hom giống G1 (mô hình sản xuất giống G1).  + Trồng 12 ha ruộng mía giống G2, chăm sóc 2 ha gốc 1 ruộng giống G1. Dự kiến cung cấp 720 tấn hom giống G2.  + Trồng 84 ha ruộng mía giống G3, chăm sóc 12 ha gốc 1 ruộng giống G2. Dự kiến cung cấp 5760 tấn hom mía giống G3 (mô hình sản xuất giống G3)  + Người trồng mía thuộc vùng nguyên liệu mía Tập đoàn Thành Thành Công nhận hom mía giống sạch bệnh G3 để trồng 576 ha mía sạch bệnh. SRDC thực hiện mô hình khảo nghiệm theo dõi sự phát triển của mía giống, thu thập số liệu, có báo cáo đánh giá kết quả vụ tơ nguyên liệu  - Đào tạo, tập huấn, hội thảo chuyên đề, phổ biến áp dụng quy trình công nghệ vào sản xuất đại trà.  + Đào tạo kĩ thuật cho 8 người, thời gian đào tạo 14 ngày. Tập huấn cho 200 lượt nông dân chia thành 4 đợt tập huấn. Mỗi đợt 50 người trong vòng 1 ngày.  + Địa điểm đào tạo, tập huấn: SRDC | - 1 Quy trình sản xuất mía giống sạch bệnh bằng công nghệ nuôi cấy mô kết hợp công nghệ xử lí hom giống bằng nhiệt độ và hóa chất tại Tây Ninh  - 1 phòng nuôi cấy mô nhân nhanh giống mía sạch bệnh có năng suất cao và phục tráng giống đặt tại SRDC  - 01 mô hình sản xuất giống 3 cấp bằng công nghệ nuôi cấy mô kết hợp xử lí hom giống bằng nhiệt độ và hóa chất phù hợp với điều kiện đất đai, khí hậu tỉnh Tây Ninh  + Cung ứng 5760 tấn hom giống sạch bệnh cho trồng mới 576 ha mía nguyên liệu vụ trồng ĐX 2020-2021  + Đào tạo 8 cán bộ kĩ thuật, tập huấn cho 200 lượt nông dân  + 01 bài báo; Tờ rơi  + Báo cáo tổng hợp kết quả của dự án. | tháng 12 năm 2017 | tháng 11 năm 2021 | Quốc gia |
| 9 | Xây dựng quy trình sản xuất và ứng dụng chế phẩm Trichoderma trong canh tác ớt tại Tây Ninh | Trung tâm Khoa học và Công nghệ Tây Ninh | Kỹ sư  Ham-Mát | - Xây dựng được quy trình sản xuất chế phẩm Trichoderma;  - Xây dựng được quy trình ủ phân hữu cơ vi sinh Trichoderma quy mô pilot;  - Triển khai, ứng dụng thành công mô hình sử dụng chế phẩm Trichoderma và ủ phân hữu cơ vi sinh Trichoderma trong canh tác ớt tại Tây Ninh. | Nội dung 1: Tuyển chọn các chủng và xác định hiệu quả phòng trừ bệnh của các chủng Trichoderma  - Bố trí thí nghiệm đánh giá tác động đối kháng của 4 chủng Trichoderma (Trichoderma reesei, Trichoderma hazianum, Trichoderma paraceramosium, Trichoderma spp) với các chủng đối chứng (Fusarium spp., Phytophthora sp.).  - Quan sát hình ảnh phát triển bào tử và đo đường kính phát triển của các chủng nấm đối kháng và nấm đối chứng trong quá trình nuôi cấy.  Nội dung 2: Xây dựng quy trình sản xuất chế phẩm Trichoderma  - Quy mô phòng thí nghiệm: Khảo sát khả năng sinh bào tử của các chủng Trichoderma trên các loại cơ chất khác nhau (bã mía, mùn cưa, xơ dừa, lúa, gạo, bắp, trấu + cám).  - Quy mô sản xuất thử nghiệm: Dựa trên kết quả của thí nghiệm, khảo sát khả năng sinh bào tử của các chủng Trichoderma trên các loại cơ chất khác nhau được bố trí nuôi trên các khay lên men trong nuôi vi sinh. Sau cùng đánh giá hiệu quả kinh tế từ việc xác định loại cơ chất có chi phí thấp nhưng có khả năng sinh bào tử tốt.  - Xây dựng quy trình sản xuất thực nghiệm.  Nội dung 3: Xây dựng quy trình ủ phân hữu cơ vi sinh Trichoderma quy mô pilot  - Khảo sát tỷ lệ phối trộn và khả năng phân giải cellulose (rơm rạ, bã mùn mía, mùn dừa) và chất lượng phân bón hữu cơ vi sinh ở 4 nghiệm thức: không ủ với chế phẩm, ủ với chế phẩm Trichoderma, ủ với chế phẩm EM, ủ kết hợp chế phẩm Trichoderma và chế phẩm EM.  Nội dung 4: Xây dựng và triển khai thực hiện mô hình ủ và sử dụng phân hữu cơ vi sinh Trichoderma phòng trừ thán thư, tuyến trùng, nấm bệnh và tăng năng suất cây ớt tại huyện Bến Cầu  - Chọn 01 hộ dân trồng ớt trên diện tích 300m2 theo phương pháp truyền thống làm đối chứng, theo dõi hàm lượng sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, phân bón hóa học, tỷ bệnh và năng suất ớt.  - Mô hình triển khai có sử dụng chế phẩm Trichoderma cũng được thực hiện tại hộ dân đó nhưng ở diện tích 300m2 khác, theo dõi tỷ lệ bệnh, năng suất ớt và so sánh hiệu quả kinh tế so với phương pháp truyền thống.  - Việc khảo nghiệm được thực hiện ở hai mùa: mùa mưa và mùa nắng. | Khoa học nông nghiệp; Mã cấp 3: 40604-  Các công nghệ vi sinh vật trong nông nghiệp | - Phương pháp thực nghiệm khoa học: Tuyển chọn và hoạt hóa 4 chủng Trichoderma có hoạt tính đối kháng cao với các loại bệnh cây trồng trong phòng thí nghiệm.  - Phương pháp sơ đồ được áp dụng trong việc xây dựng quy trình sản xuất chế phẩm Trichoderma.  - Phương pháp phân tích và tổng kết kinh nghiệm: Triển khai thực hiện mô hình khảo nghiệm tại huyện Bến Cầu: ủ và sử dụng phân hữu cơ vi sinh Trichoderma nhằm nâng cao năng suất cây trồng và phòng trừ bệnh trên cây ớt. | - Quy trình sản xuất chế phẩm Trichoderma.  - Quy trình ủ và sử dụng chế phẩm Trichoderma phòng trừ bệnh hại và tăng năng suất cho cây ớt.  - Số lượng: 200 kg chế phẩm Trichoderma (109 cfu/g), 02 tấn phân hữu cơ Trichoderma.  - 01 bài báo đăng trên Tập san Khoa học và Công nghệ Tây Ninh | Tháng 10/2017 | Tháng 9/2019 gia hạn đến tháng 3/2020 | Cấp cơ sở |
| 10 | Xây dựng mô hình trồng các loại cây lấy tinh dầu (bạc hà, hương nhu tía, sả java) tại tỉnh Tây Ninh | Trung tâm Khoa học và Công nghệ Tây Ninh | Thạc sỹ  Trịnh Văn Nhì | '- Xây dựng quy trình trồng và chăm sóc các loại cây lấy tinh dầu (bạc hà, hương nhu tía, sả java) phù hợp với địa hình và thổ nhưỡng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.  - Xây dựng mô hình trồng các loại cây lấy tinh dầu (bạc hà, hương nhu tía, sả java). | Nội dung 1: Xây dựng quy trình trồng và chăm sóc các loại cây lấy tinh dầu (bạc hà, hương nhu tía, sả java) phù hợp và có hiệu quả kinh tế với địa hình, thổ nhưỡng của tỉnh Tây Ninh.  Nội dung 2: Triển khai thực hiện mô hình trồng các loại cây lấy tinh dầu (bạc hà, hương nhu tía, sả java) tại Trại thực nghiệm Công nghệ sinh học tỉnh Tây Ninh).  Nội dung 3: Đánh giá kết quả thực hiện mô hình đối với từng loại cây thực hiện mô hình (bạc hà, hương nhu tía, sả java).  Nội dung 4: Hoàn thiện quy trình trồng, chăm sóc và thu hoạch cho 03 loại cây lấy tinh dầu (bạc hà, hương nhu tía, sả java). | Khoa học nông nghiệp; Mã cấp 3: 40105-Cây công nghiệp và cây thuốc. | - Phương pháp phân tích và tổng hợp lý thuyết: tham khảo các thông tin từ các tạp chí chuyên ngành, các trang web của các trường đại học, tổ chức nông nghiệp.  - Phương pháp phân tích, thu thập số liệu từ những thực nghiệm và tổng kết kinh nghiệm: Triển khai khảo nghiệm các mô hình trồng các loại cây lấy tinh dầu (bạc hà, hương nhu tía, sả java) tại Trại thực nghiệm Công nghệ sinh học tỉnh Tây Ninh; lựa chọn phương pháp, kỹ thuật trồng bạc hà, hương nhu tía, sả java đem lại hiệu quả cao phù hợp với điều kiện địa hình và thổ nhưỡng tại tỉnh Tây Ninh. | - Quy trình trồng và chăm sóc các loại cây lấy tinh dầu (bạc hà, hương nhu tía, sả java).  - Mô hình trồng các loại cây lấy tinh dầu (bạc hà, hương nhu tía, sả java).  - Sản lượng: Bạc hà đạt 0,3-0,45 tấn; sả Java đạt 0,3-0,45 tấn; hương nhu tía đạt 0,18-0,33 tấn với chất lượng theo TCVN.  - Tham gia đào tạo 01 kỹ sư nông học.  - 01 bài báo đăng trên Tập san Khoa học và Công nghệ Tây Ninh. | Tháng 12/2017 | Tháng 5/2019 gia hạn đến tháng 11/2019 | Cấp cơ sở |
| **Năm 2018** | | | | | | | | | | | |
| 11 | Nghiên cứu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Tây Ninh và đề xuất các giải pháp thích ứng | Viện Khí tượng Thủy văn Hải văn và Môi trường | GS TS. Nguyễn Kỳ Phùng | Đánh giá được tình hình BĐKH (nhiệt độ, lượng mưa, mực nước, thiên tai) trên địa bàn tỉnh Tây Ninh trong những năm gần đây.  - Cập nhật được kịch bản BĐKH chi tiết cho tỉnh Tây Ninh (nhiệt độ, lượng mưa, mực nước) theo tiếp cận trong Báo cáo đánh giá lần 5 (AR5) của Ủy ban Liên chính phủ về BĐKH (IPCC, 2013) và Kịch bản BĐKH và nước biển dâng (NBD) cho Việt Nam của Bộ Tài nguyên và Môi trường (Bộ TN&MT, 2016).  - Đánh giá chi tiết các tác động nghiêm trọng của BĐKH đến một số ngành KTXH tỉnh Tây Ninh (trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, công nghiệp, du lịch, dân sinh).  - Đánh giá được khả năng thích ứng và xác định được tính dễ bị tổn thương (TDBTT) do BĐKH của các lĩnh vực và khu vực trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.  - Đề xuất được các giải pháp trọng tâm, ứng phó với BĐKH, phục vụ phát triển kinh tế xã hội tỉnh Tây Ninh. | Nội dung 1: Tổng quan vấn đề và khu vực nghiên cứu  - Tổng quan nghiên cứu về BĐKH  - Khái quát điều kiện tự nhiên, môi trường, hiện trạng và quy hoạch phát triển kinh tế xã hội tỉnh Tây Ninh.  - Thu thập, biên tập bản đồ nền, số liệu khí tượng thủy văn và thiên tai tại khu vực nghiên cứu đến năm 2016 (nhiệt độ, lượng mưa, mực nước, xâm nhập mặn, ngập lụt do triều…)  Nội dung 2: Đánh giá tình hình BĐKH trên địa bàn tỉnh Tây Ninh  - Đánh giá xu thế biến đổi một số yếu tố khí tượng thủy văn và thiên tai khu vực tỉnh Tây Ninh: tính đến năm 2016 với giai đoạn so sánh (giai đoạn nền) là 1986-2005  - Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH tỉnh Tây Ninh (theo Quyết định 1180/QĐ-UBND ngày 25/6/2013 của UNBD tỉnh)  Nội dung 3: : Mô phỏng kịch bản biến đổi khí hậu tỉnh Tây Ninh  - Xây dựng kịch bản BĐKH tỉnh Tây Ninh (theo AR5)  - Mô phỏng nguy cơ XNM tỉnh Tây Ninh trong bối cảnh BĐKH  - Mô phỏng nguy cơ ngập do triều tỉnh Tây Ninh trong bối cảnh BĐKH  Nội dung 4: Đánh giá tác động của BĐKH đến tỉnh Tây Ninh  - Đánh giá tác động của BĐKH đến lĩnh vực tài nguyên môi trường: đất (sử dụng đất), nước, không khí, khoáng sản, hệ sinh thái tự nhiên và đa dạng sinh học  - Đánh giá tác động của BĐKH đến một số lĩnh vực kinh tế tỉnh Tây Ninh  - Đánh giá tác động của BĐKH đến xã hội tỉnh Tây Ninh (nơi cư trú, văn hóa, giáo dục, y tế và các khía cạnh khác)  Nội dung 5: Đánh giá tính dễ bị tổn thương do BĐKH tỉnh Tây Ninh  - Đánh giá mức độ phơi nhiễm (E) theo các kịch bản BĐHK  - Đánh giá mức độ nhạy cảm tổng hợp (S)  - Đánh giá khả năng thích ứng tổng hợp (AC)  - Đánh giá tính DBTT do BĐKH tại tỉnh Tây Ninh  Nội dung 6: Đề xuất các giải pháp ứng phó BĐKH tỉnh Tây Ninh  - Đánh giá cơ hội và thách thức của tỉnh Tây Ninh trong bối cảnh BĐKH: các lĩnh vực kinh tế chủ yếu và địa phương  - Đề xuất các giải pháp trọng tâm ứng phó BĐKH tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2017-2020 và sau 2020  - Định hướng lồng ghép các yếu tố BĐKH vào các quy hoạch, kế hoạch phát triển tỉnh Tây Ninh  Nội dung 7: Xây dựng tập bản đồ BĐKH tỉnh Tây Ninh  - Bản đồ kịch bản BĐKH tỉnh Tây Ninh  - Bản đồ tác động của BĐKH tỉnh Tây Ninh  - Bản đồ tính dễ bị tổn thương do BĐKH tỉnh Tây Ninh | Khí hậu học | Phương pháp thu thập số liệu, tài liệu; Phương pháp điều tra xã hội học; Phương pháp xử lý số liệu; các Phương pháp phân tích xu thế biến đổi các điều kiện khí tượng thủy văn; Mô hình mưa rào - dòng chảy (NAM); Mô hình Mike; Phương pháp GIS và viễn thám; Phương pháp xây dựng kịch bản BĐKH và nước biển dâng; Phương pháp chỉ số; Phương pháp chuyên gia; Phương pháp phân tích đa tiêu chí; Phương pháp tham vấn các bên có liên quan | Phiếu điều tra xã hội học (dự kiến 400); 08 loại bản đồ tỷ lệ 1:50.000, hệ tọa độ VN\_2000: bản đồ nhiệt độ (12 cái); bản đồ lượng mưa (12 cái); bản đồ ngập tỉnh Tây Ninh trong bối cảnh BĐKH (14 cái); bản đồ xâm nhập mặn các sông chính tỉnh Tây Ninh trong bối cảnh BĐKH (7 cái); bản đồ tác động của BĐKH đến các ngành/lĩnh vực tỉnh Tây Ninh (14 cái); bản đồ chỉ số rủi ro do BĐKH tỉnh Tây Ninh (2 cái); bản đồ chỉ số năng lực thích ứng với BĐKH tỉnh Tây Ninh (2 cái); bản đồ chỉ số DBTT do BĐKH tỉnh Tây Ninh (2 cái) (Tổng cộng 65 bản đồ); Báo cáo khoa học tổng hợp đề tài (báo cáo chính và báo cáo tóm tắt); Bài báo khoa học đăng trên tập san KH&CN tỉnh Tây Ninh; File mềm. | tháng 02 năm 2018 | tháng 4 năm 2019 gia hạn đến tháng 10/2019 | Cấp tỉnh |
| 12 | Ứng dụng công nghệ tạo viên không nhiệt để sản xuất phân bón NPK kết hợp silica từ tro trấu | Trung Tâm Khoa học và Công nghệ Tây Ninh | ThS. Nguyễn Văn Lai | Mục tiêu tổng quát.  Nghiên cứu quy trình sản xuất phân bón NPK - 10% silica từ nguồn tro trấu ở Tây Ninh ứng dụng công nghệ ép hạt không nhiệt bằng công nghệ sản xuất đơn giản, hiệu quả, tiết kiệm năng lượng và thân thiện với môi trường.  Mục tiêu cụ thể.  - Khảo sát một số nguồn tro trấu từ các công nghệ đốt tại các lò đốt ở Tây Ninh, từ đó tìm ra nguồn cung cấp nguyên liệu thích hợp nhất cho việc sản xuất phân NPK-10% silica. Khảo sát chế độ xử lý tro trấu để xử lý các nguồn cung cấp chưa đạt yêu cầu.  - Khảo sát ảnh hưởng của chế độ ép trong phòng thí nghiệm ảnh hưởng đến tính chất và thời gian tan rã của hạt phân bón.Nghiên cứu xây dựng quy trình sản xuất phân bón NPK-silica (10%) từ tro trấu bằng công nghệ nén ép viên không nhiệt.  - Chế tạo và lắp đặt hệ thống máy ép hạt không dùng nhiệt, công suất 1 tấn/giờ.  - Sản xuất pilot 300 kg phân bón NPK-silica (10%) trong quy mô xưởng thực nghiệm (pilot).  - Khảo nghiệm sản phẩm trên cây lúa trong quy mô phòng thí nghiệm và đánh giá khả năng ứng dụng của sản phẩm. Hoàn chỉnh quy trình, chuyển giao thiết bị và quy trình cho cơ quan quản lý. | Khảo sát các nguồn nguyên liệu tro trấu từ các lò đốt ở Tây Ninh để xác định nguồn phù hợp nhất cho việc sản xuất phân NPK-10% silica từ tro trấu. Nghiên cứu đề xuất quy trình xử lý để có nguồn nguyên liệu thích hợp từ các lò đốt chưa đạt tiêu chuẩn. Khảo sát các chế độ ép hạt trong phòng thí nghiệm từ đó nghiên cứu xây dựng quy trình sản xuất phân NPK-10% silica từ tro trấu bằng công nghệ ép hạt không nhiệt. Xây dựng tiêu chuẩn cơ sở của phân NPK-10% Silica như kích thước hạt, độ cứng, độ ẩm, hàm lượng chất dinh dưỡng.  Xây dựng mô hình thử nghiệm và chế tạo, lắp đặt thiết bi ép hạt không nhiệt để sản xuất phân NKP-10% silica với công suất khoảng 1-1.5 tấn/h.  Sản xuất thử nghiệm phân bón NPK-10% silica từ tro trấu và tiến hành khảo nghiệm sản phẩm ở quy mô Phòng thí nghiệm trên cây lúa. Trong phòng thí nghiệm sẽ tiến hành trồng thử cây lúa nhiều mẫu khác nhau, thử nghiệm bón phân theo các chế độ hiện đang sử dụng với phân bón thường và thử nghiệm với thời gian bón ít hơn, sau từng thời gian sẽ so sánh khả năng hấp thụ SiO2 vào thân cây, so sánh với phân bón NPK không silica.  Hoàn chỉnh quy trình sản xuất và hiệu chỉnh, chuyển giao thiết bị, quy trình sản xuất cho cơ quan quản lý. | kỹ thuật hóa vô cơ | khảo sát thành phần tro trấu, từ đó tìm được chế độ xử lý thích hợp để sử dụng trong phối liệu phân bón NPK. Các phương pháp phân tích hiện đại (XRD, XRF, SEM…) được sử dụng để phân tích thành phần tro trấu. Sau đó, chúng tôi sẽ thiết kế trên công suất 1 tấn/h để chế tạo thiết bị ép viên tạo hạt không nhiệt.Các thành phần dinh dưỡng NPK được tính toán và phối trộn với tro trấu để được thành phần mong muốn. Sản phẩm sẽ được phân tích thành phần, khả năng hòa tan so với NKP truyền thống và các tính chất hóa lý khác. | Silica từ tro trấu; Phân bón NKP-10% tro trấu bằng phương pháp ép hạt không nhiệt; Thiết bị ép hạt tạo phân theo phương pháp không nhiệt | Tháng 4/2018 | Tháng 3/2020 gia hạn đến tháng 9/2020 | Cấp tỉnh |
| 13 | Xây dựng giải pháp phòng trừ tổng hợp bệnh khảm lá khoai mì tại tỉnh Tây Ninh | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Tây Ninh | Nguyễn Văn Hồng | Xác định được các giải pháp phòng trừ tổng hợp bệnh khảm lá khoai mì vi rút hiệu quả, bền vững.  Mục tiêu cụ thể  - Xác định đầy đủ tác nhân gây bệnh khảm lá khoai mì vi rút tại Tây Ninh;  - Xác định được phương thức lan truyền bệnh, loài bọ phấn trắng/côn trùng truyền bệnh;  - Xác định được nhân tố tăng cường sức đề kháng của cây khoai mì đối với tác nhân gây bệnh và bọ phấn trắng truyền bệnh.  - Xác định được biện pháp hóa học và sinh học phòng trừ hiệu quả bọ phấn trắng;  - Xác định được biện pháp tăng cường sức đề kháng của cây khoai mì đối với bệnh;  - Xây dựng được quy trình quản lý tổng hợp bệnh hiệu quả và bền vững. | Xác định nguyên nhân và tác hại của bệnh vi rút khảm lá khoai mì tại Tây Ninh; Xác định phương thức lan truyền bệnh tại Tây Ninh; Xác định đặc điểm sinh học, sinh thái, quy luật phát sinh và gây hại của loài bọ phấn trắng truyền bệnh tại Tây Ninh và các yếu tố ảnh hưởng; Xác định các giải pháp quản lý bệnh; Xây dựng quy trình kỹ thuật, mô hình quản lý tổng hợp bệnh | Cây lương thực và cây thực phẩm | Điều tra, thu thập mẫu khoai mì và bọ phấn trắng tại các huyện trồng khoai mì của Tây Ninh;PCR và giải mã gen.  Ứng dụng kỹ thuật sinh học phẩn tử trong chẩn đoán, giám định chủng vi rút gây bệnh vi rút khảm lá khoai mì tại Tây Ninh làm cơ sở để tiến hành các nghiên cứu tiếp theo.  Ứng dụng kỹ thuật lây nhiễm nhân tạo bằng bọ phấn trắng (B. tabaci) nhằm xác định rõ đặc điểm, phương thức lan truyền vi rút của bọ phấn trắng. Đồng thời, cũng sẽ tiến hành nghiên cứu đặc điểm sinh học, sinh thái và quy luật phát sinh và phát triển của bọ phấn trắng trên đồng ruộng kết hợp với đánh giá anh hưởng của các yếu tố canh tác, giống, điều kiện ngoại cảnh sẽ là những cơ sở khoa học cơ bản để xây dựng quy trình quản lý bệnh vi rút khảm lá khoai mì bền vững. | Mẫu khô, hình ảnh triệu chứng điển hình của bệnh vi rút khảm lá khoai mì; Mẫu các pha phát dục của loài bọ phấn trắng truyền bệnh; Quy trình chẩn đoán, giám định tác nhân gây bệnh vi rút khảm lá khoai mì; Qui trình quản lý tổng hợp bệnh vi rút khảm lá khoai mì và bọ phấn trắng truyền bệnh; Sổ tay hướng dẫn qui trình quản lý tổng hợp bệnh khảm lá cây khoai mì; Báo cáo khoa học tổng kết đề tài | Tháng 5 năm 2018 | Tháng 4 năm 2021 | Cấp tỉnh |
| 14 | Xây dựng quy trình kỹ thuật, mô hình nuôi ong mật và khai thác các sản phẩm từ ong mật tại tỉnh Tây Ninh | Trung tâm nghiên cứu ong Miền Nam | KS. Nguyễn Anh Khoa | Mục tiêu chung:  Xây dựng và phát triển nghề nuôi ong ở tỉnh Tây Ninh theo hướng sản xuất hàng hóa, nhằm khai thác hiệu quả tiềm năng hiện có và tạo ra việc làm, tăng thêm nguồn thu nhập cho người dân ở các vùng sản xuất nông nghiệp, tạo ra nhiều sản phẩm quý có giá trị kinh tế cao để phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng ở trong nước và hướng tới xuất khẩu.  Mục tiêu cụ thể:  - Đánh giá hiện trạng nuôi ong mật trên địa bàn tỉnh Tây Ninh: Điều tra trên 03 đối tượng ong mật là ong ngoại (Apis mellifera), ong nội (Apis cerana), ong dú (Trigona sp.); xác định được cơ cấu giống ong phù hợp, cho năng suất cao tại Tây Ninh.  - Xây dựng 02 quy trình kỹ thuật nuôi và phòng trị bệnh cho 02 loại ong mật là ong ngoại và ong dú; xây dựng mô hình nuôi ong.  - Hoàn thiện 02 quy trình kỹ thuật khai thác, sơ chế và bảo quản sản phẩm từ ong mật (mật ong, sáp ong, phấn hoa, sữa ong chúa,…).  - Đánh giá hiệu quả thụ phấn của ong ngoại và ong dú trên cây dưa lưới trong nhà màng. | Nội dung 1: Đánh giá hiện trạng nuôi ong mật trên địa bàn tỉnh Tây Ninh: Điều tra trên 03 đối tượng ong mật là ong ngoại (Apis mellifera), ong nội (Apis cerana), ong dú (Trigona sp.)  Nội dung 2: Xây dựng 02 quy trình kỹ thuật nuôi và phòng trị bệnh cho 02 loại ong mật là ong ngoại và ong dú  Nội dung 3:Hoàn thiện 02 quy trình kỹ thuật khai thác, sơ chế và bảo quản sản phẩm từ ong mật (mật ong, sáp ong, phấn hoa, sữa ong chúa,…)  Nội dung 4: Đánh giá hiệu quả dùng ong mật để thụ phấn cho cây trồng trong nhà lưới, nhà kính | Nuôi dưỡng động vật nuôi | Phương pháp điều tra (gồm phương pháp điều tra hồi cứu và phương pháp điều tra cắt ngang): Điều tra tình hình nuôi ong nuôi ong ở tỉnh Tây Ninh từ 2015-2017; Điều tra tình hình bệnh và các quy trình phòng, trị bệnh trong từ năm 2015-2017  - Phương pháp nghiên cứu hệ thống; Phương pháp kế thừa; Phương pháp chuyên gia  - Phương pháp nghiên cứu xây dựng quy trình kỹ thuật nuôi ong ngoại; Phương pháp nghiên cứu xây dựng quy trình kỹ thuật tạo chúa chia đàn; Phương pháp xác định khối lượng ong chúa tơ; Phương pháp xác định khối lượng ong chúa đẻ; Phương pháp xác định sức đẻ trứng của ong chúa/ngày đêm;  - Phương pháp nghiên cứu xây dựng quy trình phòng trị bệnh trên ong ngoại: Thí nghiệm phòng, trị bệnh thối ấu trùng Châu Âu; Thí nghiệm phòng trị bệnh thối ấu trùng túi, Thí nghiệm phòng trị bệnh ấu trùng hóa vôi Thí nghiệm phòng, trị bệnh ký sinh trùng Varroadestructor  + Thí nghiệm phòng, trị bệnh do Tropilaelapsmercedesae  + Thí nghiệm phòng, trị bệnh do Nosema apis: Phương pháp nghiên cứu xây dựng quy trình nuôi ong dú; Phương pháp nghiên cứu xây dựng quy trình tạo chúa nhân đàn ong dú; Phương pháp nghiên cứu xây dựng quy trình phòng trị bệnh ký sinh trùng trên ong dú; Phương pháp xây dựng mô hình nuôi ong; Phương pháp xác định năng suất mật (kg mật ong/đàn/năm); Phương pháp xác định tỷ lệ cận huyết của đàn ong: Phương pháp xác định thế đàn ong; Phương pháp xác định hệ số nhân đàn; Phương pháp xác định tỷ lệ nhiễm bệnh của đàn ong; Phương pháp hoàn thiện quy trình khai thác, sơ chế, chế biến và bảo quản mật ong, phấn hoa, sáp ong  Phương pháp bố trí thí nghiệm so sánh hiệu quả thụ phấn của ong dú và ong ngoại trong nhà lưới trồng dưa lưới; Phương pháp theo dõi cường độ làm việc của ong; Phương pháp theo dõi hiệu quả thụ phấn; Phương pháp phân tích đánh giá chất lượng | Báo cáo đánh giá hiện trạngnuôi ong mật trên địa bàn tỉnh Tây Ninh: Điều tra trên 03 đối tượng ong mật là ong ngoại (Apis mellifera), ong nội (Apis cerana), ong dú (Trigona sp.); Phiếu khảo sát, điều tra; Lịch nguồn hoa trong năm cho ong mật tại Tây Ninh; Kết quả phân tích đánh giá khảo sát; 01 quy trình kỹ thuật nuôi và phòng trị bệnh cho ong ngoại Apis mellifera; 01 quy trình kỹ thuật nuôi và phòng trị bệnh cho ong dú Trigona sp; 01 quy trình kỹ thuật khai thác, sơ chế và bảo quản các sản phẩm ong ngoại Apis mellifera: mật ong, sáp ong, phấn hoa, sữa ong chúa; 01 quy trình kỹ thuật khai thác, sơ chế và bảo quản các sản phẩm ong dú Trigona sp.: mật ong, phấn hoa  Báo cáo phân tích hiệu quả thụ phấn trên cây dưa lưới trong nhà màng của ong Ngoại Apismellifera và ong dú Trigona sp.  Bài báo: Thực trạng tình hình chăn nuôi ong tại Tây Ninh và triển vọng. | tháng 12 năm 2018 | tháng 12 năm 2020 | Cấp tỉnh |
| 15 | Trồng thử nghiệm cây Đinh Lăng lá nhỏ (Polyscias fruticosa (L.) Harms) dưới tán rừng trồng | Chi cục Kiểm lâm Tây Ninh | ThS. Mang Văn Thới | Đảm bảo cung cấp củ, lá và thân để đáp ứng nhu cầu phát triển dược liệu, nhu cầu chữa bệnh cho các cơ sở y tế, giảm áp lực khai thác cây dược liệu từ rừng tự nhiên.  Trồng cây Đinh lăng dưới tán rừng trồng bằng kỹ thuật giâm hom nhằm tăng thu nhập cho người dân tham gia nhận khoán đất trồng rừng khi rừng trồng bắt đầu khép tán, không còn trồng cây nông nghiệp ngắn ngày, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển rừng bền vững ở địa phương.  Nhằm nhân rộng mô hình trên địa bàn tỉnh, sử dụng triệt để, hiệu quả đất đai, tăng việc làm ở nông thôn | Nội dung 1: Thu thập giống, vật tư chăm sóc  - Giống đinh lăng lá nhỏ, giâm hom, trong bầu 10x20 cm, cao từ 30-40 cm, đường kính cổ rễ từ 5-10 mm, sinh trưởng tốt, không nhiễm bệnh trên lá.  Nội dung 2: Hoàn thiện quy trình kỹ thuật trồng cây đinh lăng dưới tán rừng  - Chọn rừng khép tán, ánh sáng quang hợp 50%. Làm đất. Cuốc lỗ. Bón lót; Hoàn thiện kỹ thuật trồng, chăm sóc, tưới, bón phân, xử lý các bệnh trên cây trồng.  Nội dung 3: Báo cáo theo dõi sinh trưởng, sâu bệnh  - Theo dõi sinh trưởng qua từng năm về chiều cao, đường kính, rễ; Tình hình sâu bệnh, các loại bệnh thường gặp, biện pháp xử lý hiệu quả,…  Nội dung 4: Tổ chức hội thảo, đào tạo tập huấn  - Hội thảo đánh giá về kỹ thuật trồng chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh, mức sinh trưởng, sự thích nghi môi trường; Tập huấn về kỹ thuật có liên quan đến quá trình thử nghiệm.  Nội dung 5: Tổng hợp báo cáo thống kê, đánh giá kết quả  - Tổng hợp báo cáo thống kê về sinh trưởng hàng năm; Sổ theo dõi các loại sâu bệnh gây hại và biện pháp phòng trừ; Quy trình công nghệ; Kết quả phân tích hàm hượng saponin qua từng năm. | Khoa học Nông nghiệp/Lâm nghiệp/Nông lâm kết hợp | Tham khảo các thông tin từ các tạp chí chuyên ngành, các trang web và khóa luận tốt nghiệp có liên quan.  Phương pháp thực nghiệm và tổng kết kinh nghiệm: Trồng thử nghiệm cây đinh lăng dưới tán rừng bằng kỹ thuật giâm hom. Đúc kết kinh nghiệm trong quá trình trồng, chăm sóc, khả năng ứng dụng, chuyển giao, nhân rộng kết quả của dự án trên địa bàn tỉnh. | Quy trình kỹ thuật trồng cây đinh lăng dưới tán rừng trồng khép tán.  Thống kê sinh trưởng hàng năm, tính chất dược liệu hàng năm.  Báo cáo tổng hợp kết quả công trình thử nghiệm.  Đào tạo cán bộ Kiểm lâm địa bàn, lực lượng Bảo vệ rừng làm công tác khuyến lâm (40 công chức, viên chức).  Sổ tay quy trình kỹ thuật trồng cây đinh lăng dưới tán rừng.  Đĩa CD lưu trữ tài liệu và báo cáo dự án.  01 bài báo trên tạp chí khoa học và công nghệ của tỉnh.  Sản phẩm thu hoạch gồm: Thân; củ, rễ  Dự kiến: Thân + rễ = 14 tấn. | tháng 5/2018 | tháng 5/2021 | Cấp cơ sở |
| 16 | Lịch sử ngành Hậu cần – Kỹ thuật lực lượng vũ trang tỉnh Tây Ninh (1945 – 2015) | Phòng Hậu cần (Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Tây Ninh) | CN Nguyễn Thanh Hùng | Đề tài trình bày quá trình hình thành, xây dựng, hoạt động, chiến đấu và trưởng thành ngành Hậu cần - Kỹ thuật lực lượng vũ trang tỉnh; biên soạn trình tự các hoạt động của tổ chức, đơn vị, địa phương qua từng thời kỳ; sự kiện, thời gian, không gian, hoạt động của con người bảo đảm hậu cần - kỹ thuật cho lực lượng vũ trang (LLVT) trong chiến tranh giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế. Rút ra bài học kinh nghiệm và những vấn đề có tính nguyên tắc về hoạt động, bảo đảm hậu cần - kỹ thuật của LLVT tỉnh trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.  - Đề tài“Lịch sử ngành Hậu cần – Kỹ thuật lực lượng vũ trang tỉnh Tây Ninh (1945 – 2015)” phải bảo đảm các yếu tố: khoa học, thực tế, khách quan; thể hiện được vai trò nòng cốt những diễn biến chiến đấu cụ thể, bảo đảm hậu cần, kỹ thuật cho lực lượng vũ trang toàn tỉnh qua từng giai đoạn, phản ánh được quá trình chiến đấu, xây dựng, trưởng thành và phát triển của Phòng Hậu cần – Kỹ thuật qua từng giai đoạn.  - Công trình biên soạn phải có sự tham gia góp ý của nhân chứng lịch sử là cán bộ lão thành cách mạng. Phải được Hội đồng khoa học thẩm định trước khi xuất bản, phát hành. | Mở đầu: Những yếu tố ảnh hưởng đến xây dựng, hoạt động bảo đảm hậu cần, kỹ thuật của lực lượng vũ trang tỉnh Tây Ninh.  Chuyên đề 1: Địa lý quân sự, đặc điểm chính trị, kinh tế, xã hội.  Chuyên đề 2: Truyền thống bảo đảm hậu cần kỹ thuật trong lực lượng vũ trang yêu nước ở Tây Ninh trước 1945.  Nội dung 1: Hậu cần - Kỹ thuật lực lượng vũ trang tỉnh Tây Ninh trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954).  Chuyên đề 3: Bước đầu hình thành ngành Hậu cần - Kỹ thuật, phục vụ nhiệm vụ chiến đấu chống thực dân Pháp tái chiếm Tây Ninh và xây dựng căn cứ địa – hậu phương kháng chiến (1945 – 1946).  Chuyên đề 4: Xây dựng tiềm lực về Hậu cần - Kỹ thuật, phục vụ nhiệm vụ chống chính sách bình định của thực dân Pháp (1947 – 1950).  Chuyên đề 5: Phát triển toàn diện ngành hậu cần - kỹ thuật trong lực lượng vũ trang tỉnh, phục vụ nhiệm vụ bám trụ chiến đấu, phát triển chiến tranh du kích và phối hợp với chiến trường chính (1951 – 1954).  Nội dung 2: Hậu cần - Kỹ thuật lực lượng vũ trang tỉnh Tây Ninh trong thời kỳ kháng chiến chống đế quốc Mỹ (1954 – 1975).  Chuyên đề 6: Xây dựng căn cứ địa, từng bước tổ chức lực lượng Hậu cần - Kỹ thuật phục vụ nhiệm vụ đấu tranh chính trị và xây dựng các đơn vị vũ trang tiến tới Đồng khởi (1954-1960).  Chuyên đề 7: Xây dựng lực lượng hậu cần - kỹ thuật trong tổ chức quân sự địa phương và các đơn vị vũ trang, phục vụ nhiệm vụ chiến đấu chống chiến lược “chiến tranh đặc biệt” tại chiến trường Tây ninh (1961 – 1965).  Chuyên đề 8: Ngành hậu cần - kỹ thuật lực lượng vũ trang tỉnh Tây Ninh trong giai đoạn chống chiến lược “chiến tranh cục bộ” của Mỹ (1965-1968).  Chuyên đề 9: Căn cứ địa cách mạng và vành đai diệt Mỹ ở Tây Ninh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954-1975).  Chuyên đề 10: Kiện toàn tổ chức hậu cần - kỹ thuật lực lượng vũ trang tỉnh, phục vụ nhiệm vụ chiến đấu chống địch phản kích lên biên giới và thực hiện cuộc tiến công chiến lược năm 1972 (1969-1972).  Chuyên đề 11: Phát triển toàn diện ngành hậu cần - kỹ thuật trong lực lượng vũ trang tỉnh, phối hợp với hậu cần – kỹ thuật của trên phục vụ nhiệm vụ chiến đấu chống địch vi phạm Hiệp định Paris, tạo thế tạo lực và tổng tiến công, nổi dậy Xuân 1975 tại Tây Ninh.  Nội dung 3: Hậu cần - Kỹ thuật lực lượng vũ trang tỉnh Tây Ninh trong thời kỳ đầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc (1975-1989).  Chuyên đề 12: Sắp xếp lại ngành hậu cần - kỹ thuật lực lượng vũ trang tỉnh, phục vụ nhiệm vụ quân quản, khắc phục hậu quả chiến tranh và tham gia phát triển kinh tế (1975-1977).  Chuyên đề 13: Hậu cần - kỹ thuật lực lượng vũ trang tỉnh Tây Ninh tham gia chiến đấu và phục vụ chiến đấu bảo vệ biên giới Tây Nam (1977-1979).  Chuyên đề 14: Hậu cần - Kỹ thuật lực lượng vũ trang vừa thực hiện nhiệm vụ thường xuyên tại địa bàn tỉnh vừa làm nghĩa vụ quốc tế tại Campuchia (1979 -1989).  Nội dung 4: Hậu cần - Kỹ thuật lực lượng vũ trang tỉnh Tây Ninh phục vụ nhiệm vụ xây dựng đơn vị, huấn luyện sẵn sàng chiến đấu trong thời kỳ hội nhập và phát triển (1990-2015).  Chuyên đề 15: Kiện toàn tổ chức hậu cần - kỹ thuật sau khi hoàn thành nghĩa vụ quốc tế, phục vụ nhiệm vụ xây dựng đơn vị và công tác quân sự quốc phòng địa phương (1990-2000).  Chuyên đề 16: Hậu cần - kỹ thuật lực lượng vũ trang tỉnh Tây Ninh trong giai đoạn đầu thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước (2000-2010).  Chuyên đề 17: Phát huy sức mạnh tổng hợp của ngành hậu cần - kỹ thuật phục vụ nhiệm vụ huấn luyện sẵn sàng chiến đấu trong thời kỳ hội nhập và phát triển (2010-2015).  Nội dung 5: Kết luận và phụ lục.  Chuyên đề 18: Đặc điểm công tác hậu cần-kỹ thuật thuật lực lượng vũ trang tỉnh Tây Ninh trong 70 năm xây dựng và thực hiện nhiệm vụ chính trị trung tâm.  Chuyên đề 19: Bài học kinh nghiệm công tác hậu cần-kỹ thuật thuật lực lượng vũ trang tỉnh Tây Ninh.  Chuyên đề 20: Phụ lục (sơ đồ, thành tích khen thưởng, danh sách kèm ảnh chân dung cán bộ lãnh đạo chỉ huy ngành hậu cần-kỹ thuật thuật lực lượng vũ trang tỉnh, ảnh tư liệu). | Khoa học nhân văn/Lịch sử và khảo cổ học/Lịch sử Việt Nam | Ban Biên soạn vận dụng và kết hợp nhuần nhuyễn 02 phương pháp chủ yếu trong nghiên cứu, biên soạn là: phương pháp lịch sử và phương pháp logic từ nguồn tư liệu lịch sử phong phú đã được thẩm định, được trình bày một cách có hệ thống và đầy đủ từng bối cảnh lịch sử, rút ra được những bài học kinh nghiệm lãnh đạo, chỉ huy xây dựng quản lý, rèn luyện bộ đội, chăm sóc sức khỏe và đời sống bộ đội, đáp ứng tình hình, yêu cầu nhiệm vụ mới đặt ra.  Các bước thực hiện:  + Sưu tầm tài liệu.  + Xây dựng đề cương.  + Biên soạn bản thảo đề tài lịch sử.  + Tổ chức hội thảo (lần 1, lần 2).  + Bổ sung, chỉnh lý bản thảo sau các cuộc hội thảo.  + Tổ chức thông qua Hội đồng nghiệm thu.  + In ấn, xuất bản sau nghiệm thu. | Báo cáo khoa học tổng kết đề tài;  Bộ cơ sở dữ liệu báo cáo của đề tài (các phiếu hỏi; hình ảnh, dữ liệu có liên quan; đĩa mềm lưu trữ dữ liệu báo cáo tổng kết);  Sách lịch sử Ngành Hậu cần – Kỹ thuật lực lượng vũ trang tỉnh Tây Ninh (1945-2015) | tháng 5/2018 | tháng 5/2020 | Cấp cơ sở |
| 17 | Điều tra, đánh giá tiềm năng tài nguyên nước phục vụ sản xuất, sinh hoạt cho khu vực Chàng Riệc, xã Tân Lập, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh. | Liên đoàn Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước miền Nam. | Phan Chu Nam | Điều tra, đánh giá tiềm năng, chất lượng tài nguyên nước khu vực Chàng Riệc, xã Tân Lập, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.  Đề xuất những giải pháp, quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên nước Chàng Riệc, xã Tân Lập, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh. | Nội dung 1: Điều tra tài nguyên nước khu vực Chàng Riệc xã Tân Lập, huyện Tân Biên tỉnh Tây Ninh  Điều tra đánh giá tài nguyên nước  + Điều tra đánh giá tài nguyên nước mặt:  Công tác ngoại nghiệp: xác định nội dung, đối tượng, phạm vi, tuyến điều tra; Xây dựng phương án, lộ trình điều tra thực địa); tiến hành điều tra thực địa; tổng hợp, chỉnh lý, hoàn thiện kết quả điều tra thực địa; hoàn chỉnh hồ sơ, tài liệu kết quả điều tra thực địa.  Công tác nội nghiệp: thu thập, rà soát thông tin, dữ liệu và triển khai công tác điều tra, đánh giá tài nguyên nước mặt; tổng hợp, chỉnh lý, xử lý thông tin, dữ liệu thu thập và kết quả điều tra thực địa theo các nội dung đánh giá; phân tích, đánh giá hiện trạng, diễn biến tài nguyên nước mặt; chuẩn bị nội dung thông tin và biên tập các bản đồ; tổng hợp, xây dựng hồ sơ sản phẩm kết quả điều tra, đánh giá.  Báo cáo kết quả điều tra đánh giá tài nguyên nước mặt: bao gồm các kết quả điều tra thực địa; tổng hợp kết quả điều tra, đánh giá tài nguyên nước mặt; bản đồ tài liệu thực tế vùng điều tra, đánh giá tài nguyên nước mặt, tỷ lệ 1:25.000; sơ đồ tài nguyên nước mặt, tỷ lệ 1:25.000.  + Điều tra đánh giá tài nguyên nước dưới đất:  Công tác ngoại nghiệp: xác định nội dung, đối tượng, phạm vi điều tra; lập kế hoạch, phương án, lộ trình đi điều tra thực địa; tiến hành điều tra thực địa; tổng hợp, chỉnh lý, hoàn thiện kết quả điều tra thực địa.  Công tác nội nghiệp: thu thập, rà soát thông tin, dữ liệu; xử lý, tổng hợp thông tin, dữ liệu thu thập và điều tra thực địa theo các nội dung đánh giá; chuẩn bị nội dung thông tin và biên tập các loại bản đồ; tổng hợp, xây dựng hồ sơ sản phẩm kết quả điều tra, đánh giá.  Báo cáo kết quả điều tra đánh giá tài nguyên nước dưới đất: bao gồm các kết quả điều tra thực địa; tổng hợp kết quả điều tra, đánh giá tài nguyên nước dưới đất; đặc điểm tài nguyên nước dưới đất.  - Điều tra, đánh giá hiện trạng khai thác và sử dụng tài nguyên nước dưới đất  + Công tác ngoại nghiệp: xác định đối tượng; lập kế hoạch, phương án, lộ trình đi thực địa điều tra hiện trạng khai thác, sử dụng nước dưới đất, …; tiến hành điều tra thực địa; tổng hợp, chỉnh lý, hoàn thiện kết quả điều tra thực địa.  + Công tác nội nghiệp: thu thập, rà soát dữ liệu, thông tin và triển khai công tác điều tra; phân tích, đánh giá hiện trạng khai thác, sử dụng nước dưới đất; tổng hợp, chỉnh lý, xử lý dữ liệu, thông tin thu thập và điều tra thực địa theo các nội dung đánh giá; chuẩn bị nội dung thông tin và biên tập các bản đồ; tổng hợp, xây dựng các báo cáo kết quả điều tra, đánh giá hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước dưới đất.  + Báo cáo kết quả điều tra đánh giá tài nguyên nước dưới đất: bao gồm các kết quả điều tra, đánh giá hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước dưới đất; Bản đồ tài liệu thực tế tài nguyên nước dưới đất tỷ lệ 1:25.000; Bản đồ tài nguyên nước dưới đất tỷ lệ 1:25.000; Bản đồ hiện trạng khai thác, sử dụng nước dưới đất, tỷ lệ 1:25.000;  - Công tác địa vật lý: xác định điện trở suất của các lớp đất đá; phân chia các khu vực có mức độ chứa nước; hiệu chỉnh ranh giới địa tầng, đánh giá chất lượng nước, xác định vị trí đặt ống chống, ống lọc, khối lượng (địa vật lý đo sâu điện; địa vật lý lỗ khoan).  - Công tác khoan thăm dò; hút nước thí nghiệm lỗ khoan.  - Công tác đo đạc, quan trắc tài nguyên nước: nước mặt; nước dưới đất.  Công tác lấy và phân tích mẫu nước trong lộ trình khảo sát thực địa gồm: mẫu phân tích toàn diện, mẫu vi lượng, mẫu nhiễm bẩn, mẫu sắt chuyên môn và mẫu vi sinh.  - Công tác trắc địa: xác định tọa độ, độ cao các công trình chủ yếu (lỗ khoan nghiên cứu nước dưới đất), công trình thứ yếu (điểm đo sâu điện).  - Tính toán trữ lượng khai thác dự báo giữa các giếng  Nội dung 2: Đề xuất các giải pháp, quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên nước khu vực Chàng Riệc xã Tân Lập, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh  - Điều tra, đánh giá phân tích hiện trạng sản xuất, hiện trạng tưới  - Tính toán nhu cầu khai thác và sử dụng nước cấp cho ăn uống và sinh hoạt; cho sản xuất và tưới trong hiện tại và dự tính cho các thời điểm năm 2025, 2030, 2035.  - Đề xuất giải pháp quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên nước; giải pháp sử dụng nước mặt, nước dưới đất cho phù hợp. | 10513- Thuỷ văn; Tài nguyên nước | Phương pháp nghiên cứu:  - Công tác điều tra đánh giá tài nguyên nước:  + Đi lộ trình khảo sát đi theo tuyến, dọc các ranh giới giữa các tầng chứa nước, dọc các đứt gãy kiến tạo, vuông góc với những cấu trúc chứa nước.  + Định điểm khảo sát dựa trên bản đồ đi thực địa có tỷ lệ 1:25.000. Các điểm khảo sát được định vị bằng GPS.  - Công tác khoan: sử dụng phương pháp khoan xoay lấy mẫu và khoan doa mở rộng đường kính lỗ khoan để kết cấu phục vụ cho các nội dung tiếp theo; tỷ lệ mẫu lõi không thấp hơn 65% đối với đất đá bở rời.  - Công tác địa vật lý: Phương pháp đo sâu điện trở đối xứng: Sử dụng thiết bị ABmax = 1000 - 1200m, khoảng cách điểm d = 200m.  - Phương pháp đánh giá trữ lượng nước dưới đất:  + Tính trữ lượng tiềm năng theo phương pháp cân bằng:  Trữ lượng tiềm năng của các tầng chứa nước được tính bằng phương pháp cân bằng. Trữ lượng tiềm năng chủ yếu được hình thành từ trữ lượng tĩnh trọng lực và trữ lượng tĩnh đàn hồi, trong đó trữ lượng tĩnh đàn hồi là chủ yếu, công thức sử dụng:  (m3/ngày)  Trong đó :  Qkt - Trữ lượng tiềm năng nước dưới đất (m3/ngày).  Qđh - Trữ lượng tĩnh đàn hồi (m3/ngày).  Qt - Trữ lượng tĩnh trọng lực.  Trữ lượng tĩnh đàn hồi tính theo công thức:  (m3/ngày)  Trữ lượng tĩnh trọng lực tính theo công thức.  (m3/ngày)  Trong đó:  \* - Hệ số nhả nước đàn hồi.   - Hệ số nhả nước trọng lực.  F - Diện tích phân bố nước nhạt của tầng chứa nước (m2).  m - Chiều dày tầng chứa nước (m).  hcp - Chiều cao áp lực trên mái tầng chứa nước (m).  tkt - Thời gian khai thác (tkt = 10.000 ngày).   - Hệ số sử dụng tính trữ lượng tĩnh trọng lực  = 0,3.  + Tính trữ lượng khai thác dự báo giữa các giếng theo phương pháp thủy động lực  Công thức tính toán: Trong đó:  Skt - Mực nước hạ thấp tổng cộng trong lỗ khoan tính toán (m).  S0 - Mực nước hạ thấp tại lỗ khoan tính toán do bản thân gây ra (m).  Si - Mực nước hạ thấp trong lỗ khoan tính toán do can nhiễu gây ra (m).  m - Chiều dày tầng chứa nước (m).  Q0 - Lưu lượng khai thác của lỗ khoan tính toán (m3/ngày).  Qi - Lưu lượng lỗ khoan gây can nhiễu thứ i gây ra (m3/ngày). i - (n - 1).  n - Số lỗ khoan tham gia tính trữ lượng.  i - Số thứ tự lỗ khoan gây can nhiễu.  Km - Hệ số dẫn nước (m2/ngày).  a - Hệ số dẫn áp (m2/ngày).  tkt- Thời gian khai thác (ngày).  r0 - Bán kính lỗ khoan khai thác (m).  ri - Khoảng cách từ lỗ khoan gây can nhiễu đến lỗ khoan tính toán (m).  - Công nghệ GPS để xác định tọa độ và độ cao các công trình khoan.  - Ứng dụng công nghệ thông tin: sử dụng GIS để thành lập và quản lý các bản đồ.  - Phương pháp phân tích và tổng hợp: các tài liệu địa chất, địa chất thủy văn, khí tượng, thủy văn, tài liệu quan trắc động thái nước dưới đất... được tổng hợp và phân tích để xác định các quy luật thay đổi về mực nước và thành phần hóa học nước | 03 giếng khoan, gồm 01 giếng khoan tầng nông (độ sâu 50 m), 02 giếng khoan tầng sâu (độ sâu 96 m) được thiết kế từ các lỗ khoan thăm dò tại khu vực Chàng Riệc xã Tân Lập, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh, đáp ứng quy định hiện hành của Bộ Tài nguyên và Môi trường; cung cấp nước phục vụ trực tiếp cho người dân khu vực nghiên cứu.  Nhật ký thực địa, các tài liệu thực địa về điều tra đánh giá, điều tra hiện trạng tài nguyên nước; các báo cáo, bản đồ chuyên môn về tài nguyên nước; tài liệu, báo cáo công tác địa vật lý; nhật ký, tài liệu quan trắc tài nguyên nước đáp ứng yêu cầu quy định hiện hành của Bộ Tài nguyên và Môi trường.  Giải pháp quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên nước khu vực Chàng Riệc xã Tân Lập, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh đạt yêu cầu khoa học và thực tiễn, đảm bảo khai thác, sử dụng không vượt quá giới hạn cho phép.  01 bài báo khoa học đăng trên tập chí chuyên ngành trong nước.  Báo cáo khoa học tổng kết đề tài: gồm báo cáo chính, báo cáo tóm tắt và file mềm dữ liệu báo cáo của đề tài. | tháng 12 năm 2019 | tháng 5 năm 2021 | Cấp tỉnh |
| 18 | Xây dựng quy trình nuôi cá chình bông (Anguilla marmorata) có hiệu quả kinh tế cao tại Tây Ninh. | Viện Nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản III. | Phạm Viết Nam | Mục tiêu chung  Xây dựng thành công mô hình nuôi thương phẩm cá chình bông phù hơp với năng suất, hiệu quả kinh tế nuôi cao hơn thực tế hiện nay tại tỉnh Tây Ninh, góp phần đa dạng hóa đối tượng nuôi mới, tạo sinh kế mới cho nông dân.  Mục tiêu cụ thể:   Đánh giá được điều kiện tự nhiên của tỉnh Tây Ninh có thể phát triển được các hình thức nuôi phù hợp;   Xây dựng thành công quy trình và mô hình nuôi cá chình bông (Anguilla marmorata) phù hợp đối với điều kiện tự nhiên tỉnh Tây Ninh.  Đánh giá được hiệu quả kinh tế và khả năng nhân rộng mô hình. | (1) Khảo sát, đánh giá điều kiện tự nhiên; lựa chọn địa điểm thích hợp để triển khai mô hình nuôi cá chình bông thương phẩm tại vùng nghiên cứu tỉnh Tây Ninh.  - Phối hợp với địa phương thu thập thông tin, khảo sát thực địa về điều kiện tự nhiên tại vùng nghiên cứu  - Chọn 04 điểm nuôi phù hợp để triển khai mô hình nuôi cá chình bông thương phẩm tại Tây Ninh.  (2) Xây dựng quy trình nuôi thương phẩm cá chình bông phù hợp với điều kiện nuôi tỉnh Tây Ninh: chọn ít nhất 2 loại mô hình nuôi cá chình bông, tận dụng nguồn nước tự chảy; tính toán hiệu quả kinh tế để chọn ra mô hình tối ưu.  - Mô hình nuôi cá chình bông thương phẩm bằng lồng nổi trong ao đất với hệ thống nước tự chảy.  - Lựa chọn thêm ít nhất 01 mô hình nuôi cá chình bông thương phẩm trong điều kiện tự nhiên với hệ thống nước chảy.  (3) Đào tạo, tổ chức tập huấn kỹ thuật, tổ chức hội thảo:  - Đào tạo 03 cán bộ kỹ thuật tại địa phương  - Tổ chức 02 lớp tập huấn kỹ thuật cho 02 mô hình lựa chọn  - Tổ chức 01 hội thảo khoa học đánh giá kết quả xây dựng mô hình. | 40504- Nuôi trồng thuỷ sản | • Phương pháp kế thừa:  + Dựa vào các nguồn tài liệu sẵn có trong và ngoài nước để áp dụng vào nghiên cứu.  + Dựa trên kinh nghiệm thực tế thử nghiệm nuôi cá trong thời gian qua của các thành viên tham gia thực hiện đề tài và ứng dụng công nghệ tiên tiến của nước ngoài vào Việt Nam.  • Phương pháp nghiên cứu tại hiện trường: Giải quyết các vấn đề có liên quan từng bước và liên tục trong quá trình thực hiện đề tài. Chủ yếu tập trung vào các khâu chính là nuôi thương phẩm, theo dõi các yếu tố môi trường, phòng và trị bệnh.  • Phương pháp nghiên cứu thực nghiệm: Thiết kế các mô hình để tìm các chỉ tiêu và biện pháp kỹ thuật thích hợp.  • Phương pháp chuyển giao kỹ thuật:  + Đi thực tế khu vực thuộc các huyện có điều kiện phát triển thủy sản tại tỉnh Tây Ninh để chọn ra khu vực thử nghiệm xây dựng mô hình nuôi cá thương phẩm thích hợp nhất, trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu về đặc điểm của quy trình nuôi đối tượng cá Chình bông.  + Từ kết quả nghiên cứu của đề tài, xây dựng quy trình kỹ thuật nuôi cá chình bông thương phẩm để phổ biến cho người nuôi. | Quy trình nuôi cá chình bông (Anguilla marmorata) có hiệu quả kinh tế cao tại Tây Ninh:  Yêu cầu kỹ thuật cần đạt: tỷ lệ sống > 80%; kích cỡ trung bình đạt 0,8-1kg/con trở lên; FCR < 2,4.  - Sổ tay hướng dẫn kỹ thuật nuôi cá chình bông thương phẩm tại Tây Ninh.  - 02 mô hình nuôi cá chình bông tại 04 điểm, tận dụng nguồn nước tự chảy của hệ thống thủy lợi Tây Ninh .  - 01 bài báo khoa học đăng trên tập chí chuyên ngành trong nước.  - Báo cáo khoa học tổng kết đề tài: gồm báo cáo chính, báo cáo tóm tắt và bộ cơ sở dữ liệu báo cáo của đề tài. | tháng 6 năm 2019 | tháng 5 năm 2021 | Cấp tỉnh |
| 19 | Xây dựng, tích hợp cơ sở dữ liệu không gian hệ thống công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Tây Ninh | Chi cục Thủy lợi Tây Ninh | Lê Anh Tâm | Mục tiêu chung:  - Điều tra, khảo sát, thu thập các thông tin của hệ thống công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh nhằm xây dựng cơ sở dữ liệu về khai thác, vận hành, quản lý và bảo vệ hệ thống công trình thủy lợi tỉnh Tây Ninh.  - Xây dựng hệ thống quản lý thông tin không gian, hệ thống công trình thủy lợi giúp cho các đơn vị quản lý nhà nước các cấp, đơn vị quản lý, vận hành nắm bắt đầy đủ thông tin về cơ sở dữ liệu, tạo liên kết chặt chẽ trong công tác vận hành công trình phục vụ sản xuất.  - Nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý vận hành hệ thống công trình thủy lợi ở cấp tỉnh.  Các mục tiêu cụ thể của đề tài:  - Thu thập các thông tin của hệ thống công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh nhằm xây dựng cơ sở dữ liệu về khai thác, vận hành, quản lý và bảo vệ hệ thống công trình thủy lợi tỉnh Tây Ninh;  - Xây dựng hệ thống quản lý thông tin không gian hệ thống công trình thủy lợi giúp cho các đơn vị quản lý nhà nước các cấp, đơn vị quản lý, vận hành nắm bắt đầy đủ thông tin về cơ sở dữ liệu, tạo liên kết chặt chẽ trong công tác vận hành công trình phục vụ sản xuất;  - Chia sẻ quản lý, sử dụng thông tin công trình thủy lợi phục vụ các ngành, lĩnh vực có liên quan;  Tiếp cận, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý vận hành hệ thống công trình thủy lợi ở cấp tỉnh. | Nội dung 1: Đánh giá thực trạng về công tác quản lý công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Tây Ninh  Nội dung 2: Xây dựng hệ thống WEBGIS về thông tin không gian hệ thống công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Tây Ninh  Nội dung 3: Tổ chức Hội thảo, đào tạo, tập huấn. | 20105 - Kỹ thuật thủy lợi | Sử dụng phương pháp thống kê, phương pháp kế thừa và phương pháp chuyên gia để đánh giá tình hình hiện trạng về vấn đề cần nghiên cứu.  - Sử dụng bảng dữ liệu thu thập các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh: hồ chứa, đập dâng, trạm bơm, kênh tưới, kênh tiêu, cống, diện tích tưới, diện tích tiêu, vùng trồng trọt.  - Sử dụng máy tính, phần mềm Excel, Word, AutoCad, Mapinfo, ArcGIS, QGIS và kinh nghiệm của chuyên gia về lĩnh vực thủy lợi,... để thống kê, xử lý số liệu, phân tích thông tin, tài liệu, dữ liệu.  - Xây dựng thiết lập hệ thống WEBGIS | Hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu không gian các công trình thủy lợi tỉnh Tây Ninh  - Hệ thống WEBGIS về thông tin không gian Hệ thống công trình thủy lợi tỉnh Tây Ninh  - Tập báo cáo phân tích, thiết kế mô tả Hệ thống và đặc tả các thành phần của Hệ thống WEBGIS về công trình thủy lợi tỉnh Tây Ninh  - tài liệu hướng dẫn sử dụng chi tiết về Hệ thống WEBGIS  - báo cáo khoa học tổng hợp Đề tài (gồm báo cáo chính và báo cáo tóm tắt), đĩa mềm lưu trữ dữ liệu | tháng 11/2019 | tháng 4/2021 | cấp tỉnh |
| 20 | Xây dựng mô hình giảng dạy môn tin học cấp tiểu học tỉnh Tây Ninh thông qua phần mềm SCRATCH | Phòng Giáo dục và Đào tại Thành phố Tây Ninh | Phạm Ngọc Hải | Xây dựng mô hình và quy trình giảng dạy môn tin học ở bậc tiểu học thông qua phần mềm Scratch trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.  - Xây dựng bộ tài liệu hướng dẫn sử dụng phần mềm Scratch phục vụ giảng dạy môn tin học ở cấp tiểu học đáp ứng chương trình giáo dục phổ thông mới. | • Nội dung 1: Xây dựng được mô hình và quy trình giảng dạy cùng với bộ tài liệu hướng dẫn sử dụng phần mềm Scratch phục vụ giảng dạy môn tin học cấp tiểu học đáp ứng chương trình giáo dục phổ thông mới.  Giải pháp thức hiện: Môđun 1 xây dựng 10 bài lý thuyết liên quan đến vấn đề giới thiệu, hướng dẫn cài đặt và sử dụng phần mềm Scratch.  • Nội dung 2: Triển khai thực hiện mô hình giảng dạy môn tin học ở tiểu học thông qua phần mềm Scratch ở một số trường tiểu học trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.  Giải pháp thức hiện: Môđun 2 xây dựng 10 bài tập ứng dụng cơ bản cho phần mềm Scratch.   Nội dung 3: Đánh giá kết quả thực nghiệm mô hình giảng dạy môn tin học ở tiểu học thông qua phần mềm Scratch đã triển khai ở một số trường tiểu học trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.  Giải pháp thức hiện: Môđun 3 xây dựng 10 bài tập sử dụng phần mềm Scratch giải các bài toán đố cơ bản và nâng cao.  • Nội dung 4: Hoàn thiện mô hình giảng dạy và bộ giáo án giảng dạy môn tin học ở tiểu học thông qua phần mềm Scratch trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.  Giải pháp thức hiện: Môđun 4 xây dựng 05 mô hình sử dụng phần mềm Scratch kết hợp với board arduino tạo ra các sản phẩm ứng dụng IoT.  Xây dựng mô hình giảng dạy môn tin học bậc tiểu học thông qua phần mềm Scratch  Mô hình này được triển khai ở 05 trường tiểu học gồm: TH Võ Thị Sáu; TH Kim Đồng; TH Lê Ngọc Hân ở thành phố Tây Ninh; TH Nguyễn Đình Chiểu ở huyện Tân Biên và TH Nguyễn Thị Minh Khai ở huyện Hoà Thành. | 5/503/50301: Khoa học xã hội/Khoa học giáo dục/Khoa học giáo dục nói chung | • Phương pháp phân tích và tổng hợp lý thuyết  • Phương pháp điều tra xã hội học  • Phương pháp chuyên gia | Báo cáo khoa học;  - Đĩa CD lưu trữ dữ liệu;  - Bài báo khoa học;  - Bộ tài liệu hướng dẫn sử dụng phần mềm Scratch phục vụ giảng dạy môn Tin học ở Tiểu học đáp ứng chương trình giáo dục phổ thông mới | tháng 10/2019 | tháng 9/2021 | Cấp cơ sở |
| 21 | Nâng cao đạo đức công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức hành chính tỉnh Tây Ninh giai đoạn từ năm 2010 đến năm 2019 | Khoa Nhà nước – Pháp luật, Trường Chính trị tỉnh Tây Ninh | Mai Tuấn Kiệt | Đánh giá thực trạng, xác định những giải pháp, kiến nghị nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức hành chính có phẩm chất đạo đức tốt, tận tụy phục vụ nhân dân trong quá trình thực thi công vụ.  - Sản phẩm nghiên cứu vận dụng vào chương trình giảng dạy của Trường Chính trị tỉnh; cung cấp thông tin tham khảo để các cơ quan quản lý, sử dụng cán bộ, công chức của tỉnh đánh giá hiệu quả thực thi công vụ. | 1. Nghiên cứu tổng quan đề tài  2. Đánh giá thực trạng về đạo đức công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức hành chính của tỉnh.  3. Thu thập thông tin, dữ liệu và xử lý thông tin từ hoạt động khảo sát, điều tra về đạo đức công vụ.  4. Đề xuất những giải pháp, kiến nghị nâng cao đạo đức công vụ.  5. Tổng kết đánh giá kết quả nghiên cứu của đề tài. | 5/506/50602: Khoa học xã hội/Khoa học chính trị/Hành chính công và quản lý hành chính. | Phương pháp thu thập thông tin.  - Phương pháp phỏng vấn.  - Phương pháp điều tra xã hội học.  - Phương pháp phân tích, xử lý thông tin. | Báo cáo khoa học;  - Tập kỷ yếu hội thảo khoa học;  - Tập phiếu điều tra, phỏng vấn thông tin;  - Bài báo khoa học;  - Tài liệu học tập. | tháng 7/2019 | tháng 6/2020 | Cấp cơ sở |